

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **08** /2023/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 15 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về một số chế độ chi bảo đảm hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHOÁ XVIII - KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XIII, quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Xét Tờ trình số 35/TTr-KTNS ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Hà Giang; Báo cáo thẩm tra số 30/BC-BPC ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ban Pháp chế, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định một số chế độ chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Hà Giang, bao gồm: Thường trực Hội đồng nhân dân; các Ban Hội đồng nhân dân; các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân (*đối với cấp tỉnh, cấp huyện*) và các đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

b) Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cơ quan, tổ chức, cá nhân, công chức cấp xã tham gia phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp.

Điều 2. Chế độ chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp

1. Các nội dung chi theo thẩm quyền được giao tại Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân và các nội dung chi đặc thù của Hội đồng nhân dân: Tạm phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

2. Các chế độ, chính sách của đại biểu Hội đồng nhân dân như tiền lương; hoạt động phí; các chế độ chính sách khác (*bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp mai táng, khen thưởng*): Thực hiện theo quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm của đại biểu Hội đồng nhân dân.

3. Các nội dung chi khác liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu tài chính hiện hành, cụ thể:

a) Chi hoạt động tiếp công dân; xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo; phản ánh, kiến nghị thực hiện theo Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND quy định mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo; kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

b) Chi xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

c) Chi tự kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cụ thể mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp các văn bản viện dẫn mức chi có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng mức chi theo các văn bản đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Khoá XVIII, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2023. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành chế độ, định mức chi đảm bảo các điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Hà Giang nhiệm kỳ 2016 - 2021; Nghị quyết số 16/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số nội dung Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2016 và Nghị quyết số 96/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang; Nghị quyết số 38/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVII nhiệm kỳ 2016-2021 ban hành chế độ, định mức chi đảm bảo các điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Hà Giang nhiệm kỳ 2016 - 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTr Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH khóa XV tỉnh Hà Giang;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVIII;
- Các sở: Tài chính, Tư pháp; Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- TTr HĐND, UBND, UBMTTQ các huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang, Đài PT-TH tỉnh
- Cổng thông tin điện tử tỉnh; TTTT-Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND



CHỦ TỊCH

Thào Hồng Sơn

Phụ lục
MỘT SỐ CHẾ ĐỘ CHI BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
CÁC CẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết số: 08/2023/NQ-HĐND ngày 15/7/2023 của HĐND tỉnh Hà Giang)

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Mức chi		
			HĐND cấp tỉnh	HĐND cấp huyện	HĐND cấp xã
A	CÁC NỘI DUNG CHI THEO THẨM QUYỀN ĐƯỢC GIAO TẠI NGHỊ QUYẾT 1206/2016/NQ-UBTVQH13				
I	Chi giám sát				
1	Chi giám sát chuyên đề				
a	Xây dựng văn bản giám sát				
	- Hoạt động giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND				
	+ Chi xây dựng nghị quyết, quyết định thành lập Đoàn Giám sát (bao gồm cả kế hoạch và đề cương)	đồng/bộ	2.000.000	1.200.000	700.000
	+ Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát của tổ (khi chia tổ)	đồng/báo cáo	500.000	300.000	200.000
	+ Chi xây báo cáo kết quả giám sát chung của đoàn	đồng/báo cáo	2.500.000	1.200.000	600.000
	+ Báo cáo kết quả giám sát bằng hình ảnh, phóng sự (đối với giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh, huyện)	Áp dụng mức chi theo Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 về quy định mức chi trả nhuận bút trong lĩnh vực báo chí			
	+ Chi xây dựng nghị quyết về kết quả giám sát của HĐND tại kỳ họp	đồng/ng nghị quyết	2.000.000	1.000.000	500.000
	- Hoạt động giám sát của các Tổ đại biểu HĐND (không bao gồm công tác phí)		Mức chi bằng 60% đối với mức chi hoạt động giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND tỉnh	Mức chi bằng 60% đối với mức chi hoạt động giám sát của Tổ đại biểu HĐND tỉnh	
b	Hỗ trợ điểm đến giám sát				
	- Hỗ trợ trang trí khánh tiết, nước uống	đồng/điểm	500.000	500.000	500.000
	- Hỗ trợ tiền ăn	đồng/điểm	1.500.000	1.000.000	700.000
	- Thăm hỏi hộ nghèo, gia đình chính sách (số hộ do Đoàn giám sát quyết định)	đồng/điểm	1.500.000	1.000.000	700.000
c	Chi bồi dưỡng thành viên tham gia đoàn giám sát (ngoài chế độ công tác phí, các thành viên đoàn giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu được hỗ trợ)				
	- Trưởng đoàn	đồng/người/ngày	200.000	150.000	100.000
	- Thành viên đoàn	đồng/người/ngày	150.000	100.000	80.000
	- Phục vụ	đồng/người/ngày	100.000	80.000	60.000

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Mức chi		
			HĐND cấp tỉnh	HĐND cấp huyện	HĐND cấp xã
d	Chi bồi dưỡng mời chuyên gia tư vấn về các nội dung giám sát của HĐND, Thường trực HĐND các Ban HĐND theo điểm đ khoản 2 các Điều 62, 70, 80 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND	đồng/chuyên đề	3.000.000	1.500.000	1.000.000
đ	Chi họp giám sát				
	- Chủ trì	đồng/người/buổi	200.000	150.000	100.000
	- Các thành viên dự họp	đồng/người/buổi	100.000	80.000	50.000
	- Phục vụ	đồng/người/buổi	50.000	40.000	30.000
2	Chi giám sát văn bản quy phạm pháp luật	Mức chi áp dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước về chi cho công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật			
	Riêng chi báo cáo kết quả giám sát văn bản quy phạm pháp luật	đồng/báo cáo	1.500.000	900.000	
3	Chi giám sát hoạt động khiếu nại, tố cáo				
a	Chi cho việc nghiên cứu tổng hợp, báo cáo về công tác xử lý đơn thư	đồng/báocáo	400.000		
b	Chi xây dựng báo cáo giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trình Thường trực HĐND	đồng/báo cáo	1.500.000	900.000	500.000
c	Chi đi xác minh thu thập thông tin	đồng/người/buổi	60.000	60.000	60.000
4	Chi giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri				
	- Chi xây dựng báo cáo đề xuất xử lý, giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri; báo cáo tổng hợp kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri của các Tổ đại biểu	đồng/báo cáo	500.000	300.000	200.000
	- Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết ý kiến kiến nghị cử tri	đồng/báo cáo	2.000.000	1.000.000	500.000
5	Chi cho hoạt động chất vấn, giải trình				
a	Hoạt động chất vấn tại kỳ họp				
	- Chi xây dựng các văn bản phục vụ hoạt động chất vấn tại Kỳ họp HĐND (bao gồm tổng hợp các ý kiến chất vấn, kế hoạch chi tiết, các văn bản khác liên quan đến nội dung chất vấn)	đồng/bộ	1.000.000	700.000	500.000
	- Xây dựng nghị quyết của HĐND về chất vấn	đồng/ng nghị quyết	1.500.000	800.000	400.000
b	Hoạt động chất vấn, giải trình tại phiên họp Thường trực HĐND				
	- Tổ chức họp phiên giải trình, chất vấn	Mức chi như điểm đ khoản 1 mục I phần A phụ lục này			
	- Các văn bản phục vụ phiên giải trình, chất vấn (bao gồm kế hoạch chi tiết phiên giải trình và các văn bản liên quan)	đồng/bộ	1.000.000	750.000	500.000
	- Báo cáo tổng hợp kết quả giải trình và kết luận phiên giải trình, chất vấn	đồng/bộ	1.500.000	800.000	400.000
	- Chi hoạt động truyền thông (nếu có)	Áp dụng mức chi theo Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 về quy định mức chi trả nhuận bút trong lĩnh vực báo chí			
6	Chi giám sát tại kỳ họp				

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Mức chi		
			HĐND cấp tỉnh	HĐND cấp huyện	HĐND cấp xã
a	Xem xét thẩm tra các báo cáo	đồng/báo cáo	1.000.000	600.000	400.000
b	Xem xét thẩm tra các dự thảo nghị quyết không phải QPPL trình Kỳ họp ; thẩm tra các văn bản phát sinh giữa 2 kỳ họp bằng 70% các văn bản trình tại kỳ họp	đồng/ng nghị quyết	1.000.000	700.000	500,000
	- Thẩm tra các dự thảo Nghị quyết quy định cho giai đoạn thuộc các lĩnh vực kinh tế ; văn hoá-xã hội; dân tộc; nội chính, pháp chế, an ninh-quốc phòng.	đồng/ng nghị quyết	1.500.000	1.200.000	600.000
c	Họp thẩm tra các văn bản trình kỳ họp	Mức chi như điểm đ, khoản 1, mục I phần A phụ lục này			
7	Chi hoạt động khảo sát của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND và Tổ đại biểu HĐND	Mức chi cho các nội dung tương ứng (nếu có) áp dụng bằng 70% mức chi cho hoạt động giám sát chuyên đề tại khoản 1 mục I phần A phụ lục này theo từng cấp			
II	Tiếp xúc cử tri				
1	Hỗ trợ cho các điểm đến tiếp xúc cử tri				
	- Hỗ trợ trang trí khánh tiết, nước uống	đồng/điểm	500.000	500.000	500.000
	- Hỗ trợ thăm hỏi các gia đình chính sách, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nơi tiếp xúc cử tri (số hộ do Tổ đại biểu quyết định)	đồng/điểm	1.500.000	1.000.000	700.000
	- Hỗ trợ tiền ăn	đồng/điểm	1.500.000	1.000.000	700.000
2	Chi bồi dưỡng cho đại biểu HĐND, đại diện Ủy ban Mặt trận tổ quốc chủ trì tiếp xúc cử tri	đồng/người/điểm	150.000	100.000	80.000
3	Chi bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động phục vụ	đồng/người/điểm	100.000	80.000	50.000
4	Chi xây dựng đề cương tiếp xúc cử tri; Báo cáo tổng hợp ý kiến kiến nghị cử tri của các Tổ đại biểu	đồng/văn bản	500.000	350.000	250.000
III	Khám chăm sóc sức khỏe định kỳ				
1	Hỗ trợ kinh phí khám, chăm sóc sức khỏe hàng năm cho đại biểu Hội đồng nhân dân	đồng/người/năm	1.300.000	800.000	500.000
2	Năm chuyển giao nhiệm kỳ giữa khoá cũ và khoá mới: đại biểu không tái cử, đại biểu khoá mới	được hỗ trợ bằng 50% mức chi tại khoản 1 mục III phần A phụ lục này			
IV	Hỗ trợ cho đại biểu:				
1	Hỗ trợ may lễ phục, trang phục: Mỗi nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân được hỗ trợ 02 bộ	đồng/bộ	2.500.000	2.500.000	2.500.000
2	Học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu: Ngoài quy định về đào tạo, bồi dưỡng của Bộ Nội vụ, của tỉnh; Thường trực HĐND cấp tỉnh quyết định tổ chức Hội nghị tập huấn , bồi dưỡng cho đại biểu cấp tỉnh; Thường trực HĐND cấp huyện tổ chức Hội nghị bồi dưỡng, tập huấn cho đại biểu cấp huyện , xã nếu xét thấy cần thiết.	Nội dung chi, mức chi: Theo Nghị quyết 112/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Nghị quyết số 52/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh quy định mức chi cho công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Hà Giang			
3	Cung cấp báo chí				
	- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	được cung cấp Báo đại biểu nhân dân, báo Hà Giang theo số ra của đầu báo			

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Mức chi		
			HĐND cấp tỉnh	HĐND cấp huyện	HĐND cấp xã
	- Đại biểu HĐND cấp huyện, xã	Do Thường trực HĐND cùng cấp quyết định nhưng không quá số báo của Đại biểu HĐND tỉnh được cấp			
V	Chi công tác phí	Thực hiện theo Nghị quyết số 112/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang quy định về mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Hà Giang			
B	CHI ĐẶC THÙ CỦA HĐND CÁC CẤP TẠI ĐỊA PHƯƠNG				
1	Chi cho các Kỳ họp của Hội đồng nhân dân				
a	Chi hỗ trợ tiền ăn, nghỉ cho đại biểu				
	- Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu dự kỳ họp	Mức chi theo khoản 4 mục II phụ lục số 02 Nghị quyết 15/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của HĐND tỉnh quy định về chế độ tiếp khách, chế độ tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang			
	- Chế độ phòng nghỉ cho đại biểu về dự kỳ họp	Nội dung chi, mức chi: Theo Nghị quyết 112/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Hà Giang.			
b	Chi bồi dưỡng cho chủ tọa, thư ký kỳ họp				
	- Chủ tọa kỳ họp	đồng/người/ngày	300.000	200.000	150.000
	- Thư ký	đồng/người/ngày	150.000	100.000	80.000
c	Chi nước uống, giữa ca cho đại biểu, khách mời	đồng/người/ngày	40.000	30.000	20.000
d	Truyền hình trực tiếp, xăng xe, in tài liệu, trang trí khánh tiết, thuốc chữa bệnh thông thường cho đại biểu	Theo thực tế phát sinh			
e	Chi bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng cấp tỉnh, cấp huyện, công chức xã phục vụ trực tiếp tại kỳ họp (khoản/kỳ họp)				
	- Kỳ họp thường lệ (giữa và cuối năm)	đồng/kỳ họp/người	800.000	600.000	400.000
	- Kỳ họp chuyên đề (nếu có)	đồng/kỳ họp/người	400.000	300.000	200.000
g	Chi bồi dưỡng cho phóng viên báo, đài; người phục vụ điện, nước, y tế; công an, lái xe cho đại biểu	đồng/người/ngày	100.000	80.000	50.000
2	Hội nghị giao ban; hội nghị chuyên đề; hội nghị tổng kết năm; tổng kết nhiệm kỳ; họp Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân				
	- Chi tiền ăn, nghỉ cho đại biểu, nước uống giữa giờ	Mức chi như điểm a, điểm c khoản 1 phần B phụ lục này			
	- Bồi dưỡng cho Chủ tọa hội nghị	đồng/người/ngày	200.000	150.000	100.000
	- Đại biểu HĐND, đại biểu mời dự	đồng/người/ngày	100.000	80.000	50.000
	- Công chức, viên chức, nhân viên phục vụ	đồng/người/ngày	80.000	60.000	40.000
	- Tham luận tại Hội nghị (nếu có)	đồng/văn bản	500.000	400.000	250.000
3	Quà lưu niệm khi kết thúc nhiệm kỳ	Mức chi do Thường trực HĐND các cấp quyết định			
4	Chi xây dựng các văn bản của Thường trực HĐND, các Ban HĐND trình Kỳ họp (báo cáo, chương trình, đề án)				
	- Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ	đồng/báo cáo	4.000.000	3.000.000	2.000.000

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Mức chi		
			HĐND cấp tỉnh	HĐND cấp huyện	HĐND cấp xã
	- Báo cáo năm trình kỳ họp	đồng/báo cáo	2.000.000	1.000.000	500.000
	- Báo cáo 6 tháng trình kỳ họp	đồng/báo cáo	1.000.000	500.000	300.000
	- Chương trình hoạt động toàn khóa	đồng/văn bản	2.000.000	1.000.000	500.000
	- Đề án trình HĐND thông qua	đồng/đề án	20.000.000	14.000.000	
5	Hỗ trợ may lễ phục cho cán bộ, công chức, người lao động cơ quan tham mưu , giúp việc hoạt động của HĐND: một nhiệm kỳ mỗi người được hỗ trợ kinh phí may 01 bộ lễ phục	đồng/bộ	2.500.000	2.500.000	2.500.000
6	Chi công tác xã hội, thăm hỏi, phúng viếng, hỗ trợ				
a	Chi thăm hỏi các gia đình chính sách, người cao tuổi; hộ nghèo, cận nghèo; trợ cấp cho đại biểu HĐND , nguyên đại biểu HĐND , cán bộ, công chức, người lao động cơ quan trực tiếp tham mưu giúp việc cho hoạt động HĐND (do Thường trực HĐND các cấp, các Ban HĐND thực hiện)				
	- Thăm hỏi, tặng quà các đối tượng chính sách, người có công với cách mạng; người cao tuổi; hộ nghèo, cận nghèo nhân dịp lễ, tết nguyên đán	đồng/người/lần	500.000	400.000	300.000
	- Hỗ trợ, tặng quà cho các gia đình nghèo, cận nghèo, các gia đình chính sách, người có công với cách mạng bị thiên tai, hỏa hoạn	đồng/gia đình	5.000.000	2.000.000	1.000.000
	- Hỗ trợ cho đại biểu HĐND , nguyên đại biểu HĐND bị bệnh hiểm nghèo (không quá 2 lần/người/năm)	đồng/người/lần	3.000.000	1.500.000	1.000.000
	- Trường hợp gia đình đại biểu HĐND gặp khó khăn đột xuất như thiên tai , hỏa hoạn, tai nạn...; tùy theo hoàn cảnh và mức độ khó khăn do tập thể Thường trực HĐND quyết định (mức chi tối đa)	đồng/gia đình	10.000.000	5.000.000	3.000.000
	- Đại biểu HĐND có cha mẹ đẻ, cha mẹ chồng (vợ), vợ (chồng) hoặc con chết được hỗ trợ	đồng/trường hợp	2.000.000	1.500.000	1.000.000
	- Đối với cán bộ, công chức, người lao động cơ quan trực tiếp tham mưu, giúp việc cho hoạt động HĐND	Mức chi áp dụng như đối với đại biểu HĐND			
b	Chi thăm hỏi, phúng viếng của Thường trực HĐND; các Ban HĐND ; các Tổ đại biểu HĐND (đối với cấp tỉnh, cấp huyện)				
	- Chi thăm hỏi đại biểu HĐND , nguyên đại biểu HĐND khi ốm, đau	đồng/người/lần	1.000.000	700.000	500.000
	- Chi phúng viếng cha mẹ của đại biểu, nguyên đại biểu HĐND; Lãnh đạo các Sở, ngành; cha, mẹ của Lãnh đạo các sở, ngành có liên quan; cán bộ, công chức, người lao động cơ quan tham mưu giúp việc hoạt động của HĐND	đồng/người/lần	500.000	400.000	300.000
	- Chi thăm hỏi cán bộ, công chức, người lao động cơ quan trực tiếp tham mưu , giúp việc hoạt động của HĐND khi ốm đau	đồng/người/lần	500.000	400.000	300.000